

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2020/DS-ST

Ngày 22/9/2020

V/v: “*Tranh chấp*

về quyền đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tấn;
2. Ông Trần Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa:

+ Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 34/2018/TLST-DS, ngày 17 tháng 5 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/QĐXX-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Diệp Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Khu phố N, Phường Đ, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Minh T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Bà H có đơn đề nghị vắng mặt; bà H1, ông T vắng mặt (lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn bà Diệp Thị H trình bày:

Từ chỗ quen biết qua ông T là bạn lái xe tải cùng chồng bà H nên tin tưởng nhau, vào ngày 26/4/2013, bà Bùi Thị H1 có hỏi mượn của bà H ở Khu phố N, Phường Đ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định số tiền 20.000.000 đồng với mục đích về sử dụng cho công việc gia đình, có ghi giấy, ông Bùi Minh T (chồng bà H1) có ký vào giấy mượn đưa bà H giữ làm tin. Thời gian hẹn trả tiền là 15 ngày, nhưng sau đó bà H1, ông T không trả và cứ hẹn qua nhiều năm. Bà H đã đến hỏi nợ nhiều lần nhưng bà H1, ông T cứ tránh mặt, bức xúc, Bà H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc bà H1, ông T trả số tiền nợ 20.000.000 đồng; bà H không yêu cầu tính lãi suất.

- Bên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Bùi Thị H1, ông Bùi Minh T: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm thì cả bà H1, ông T đều không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về hướng giải quyết: Có cơ sở để chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn đòi trả lại tài sản và đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn, người liên quan; Hội đồng xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Từ chỗ quen biết nên vào ngày 26/4/2013, bà Bùi Thị H1 có mượn của bà Diệp Thị H ở khu phố N, phường Đ, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định số tiền 20.000.000 đồng với mục đích về sử dụng cho công việc gia đình, có ghi giấy và ông Bùi Minh T (chồng bà H1) có ký vào giấy mượn đưa bà H giữ làm tin. Thời gian hẹn trả tiền là 15 ngày, nhưng sau đó bà H1, ông T không trả và cứ hẹn qua nhiều năm. Nhiều lần bà H đến hỏi nợ, nhưng bà H1, ông T cứ tránh mặt, bà H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc bà H1, ông T trả số tiền nợ 20.000.000 đồng; bà H không yêu cầu tính lãi suất.

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là “*Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 256, 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005; tương ứng với các Điều 166, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; thu thập chứng cứ. Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; thông báo kết quả về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ; tổ chức hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; giải thích các quy định của pháp luật, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị H1, ông Bùi Minh T không yêu cầu phản tố, không yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa, cả bà H, bà H1, ông T đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

- Về điều kiện khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án: Theo giấy ghi nợ thì bà H cho bà H1, ông T vay tiền ngày 26/4/2013, bên vay tiền ký nhận nợ, hạn 15 ngày sau trả tiền, nhưng bên vay không trả. Ngày 14/5/2018, bà H khởi kiện nên phát sinh tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, nhưng theo Điều 247 của Bộ luật Dân sự 2005 thì thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay đã hết nên Tòa án xác định đây là “*Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản*” theo quy định tại 256 của Bộ luật Dân sự 2005, tương ứng với quy định tại các Điều 166, 463, 466; điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Nghị quyết: 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định chuyển tiếp của Bộ luật Dân sự 2015 để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, bà Diệp Thị H:

- Về giấy ghi ngày 26/4/2013 thể hiện bà Bùi Thị H1 và ông Bùi Minh T có vay bà Diệp Thị H số tiền 20.000.000 đồng để dùng vào việc chung của gia đình, các bên hoàn toàn tự nguyện: Đây là hợp đồng vay tài sản được các bên ký xác nhận, nhưng đến thời gian hạn, bên vay không trả tiền nên bên cho vay đã khởi kiện yêu cầu bên vay trả tiền là hoàn toàn có căn cứ. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của bà H là có cơ sở nên chấp nhận; cần buộc vợ chồng bà H1, ông Trục trả số tiền nợ cho bà H 20.000.000 đồng.

[3]. Xét ý kiến của bên bị đơn và người liên quan, bà Bùi Thị H1, ông Bùi Minh T:

- Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đảm bảo theo quy định. Nhưng bà H1, ông T không đến Tòa án để tham gia các phiên tiếp cận, công khai chứng cứ; các phiên hòa giải. Tại phiên tòa, cả bà H1 và ông T đều vắng mặt (lần 02) là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trước pháp luật; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[4]. Từ các căn cứ trên; Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Diệp Thị H: Buộc vợ chồng bà Bùi Thị H1, ông Bùi Minh T trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng.

[5]. Về án phí sơ thẩm dân sự: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc vợ chồng bà H1, ông T chịu án phí.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, khoản 2 Điều 210, các Điều 357, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Diệp Thị H.

- Buộc vợ chồng Bùi Thị H1, Bùi Minh T trả cho bà H 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án (bà Diệp Thị H) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án (bà Bùi Thị H1, ông Bùi Minh T) còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Vợ chồng bà Bùi Thị H1, ông Bùi Minh T nộp 1.000.000 đồng

- Hoàn trả cho bà Diệp Thị H số tiền nộp tạm ứng án phí 500.000 đồng theo biên lai thu số 0007621 ngày 17/5/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Hoài Ân.

Về nghĩa vụ thi hành án:

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu (HSVA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Vân